

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 93/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2025 để phục vụ mục đích phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 22

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 446/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

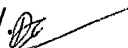
QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2025 để phục vụ mục đích phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang như sau:

Tổng số 102 dự án, với tổng diện tích đất phải thu hồi là 282,98 ha.

(Chi tiết tại Biểu kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX,
Kỳ họp thứ 22 thông qua. / 

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- UB MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT - XH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Thường trực: Thành ủy, Thị ủy, HĐND; UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Thị Hương Thành


**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 ĐỀ PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG**

(Kèm theo Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)




| STT | Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDD đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|----------|--|-----------------------|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|--|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| | TỔNG | | 282,98 | | | | |
| I | THÀNH PHỐ BẮC GIANG | | 78,14 | | | | |
| 1 | Xây dựng trường Mầm Non Đa Mai | P. Đa Mai | 1,460 | DGD | 519 | 1,46 | Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; |
| 2 | Đầu tư xây mới Trường mầm non Hoa Sen, P. Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang | P. Hoàng Văn Thụ | 0,420 | DGD | 524 | 0,42 | Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND thành phố Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công trên địa bàn TP. Bắc Giang |
| 3 | Đầu tư xây mới Trường THCS Hoàng Hoa Thám, P. Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang | P. Hoàng Văn Thụ | 0,773 | DGD | 524 | 0,77 | Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND thành phố Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công trên địa bàn TP. Bắc Giang |

| STT | Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDD đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|---|-----------------------|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|--|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 4 | Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng sân thể thao thôn Tân Mỹ, X.Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang | X.Đồng Sơn | 0,377 | DTT | 567 | 50,84 | Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Bắc Giang Về việc điều chỉnh, bổ sung Đề án "phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở thành phố Bắc Giang giai đoạn 2022-2024, phân kỳ thực hiện năm 2024; Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch UBND xã Đồng Sơn về việc phê duyệt dự án |
| 5 | Xây dựng nhà sinh hoạt văn hoá Nam Giang 2, P. Xương Giang | P. Xương Giang | 0,090 | DVH | 470 | 0,14 | QĐ 182/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của Chủ tịch UBND phường Xương Giang về phê duyệt dự án |
| 6 | Mở rộng nhà sinh hoạt văn hóa Chùa Thành, P. Xương Giang | P. Xương Giang | 0,050 | DVH | 469 | 0,05 | Nghị Quyết số 21/NQ-HĐND ngày 15/11/2021 của HĐND thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung trong Đề án "phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở thành phố Bắc Giang giai đoạn 2022-2024 |
| 7 | Khắc phục khẩn cấp sự cố Kè chắn đất và tường rào Bệnh viện Tâm thần tỉnh Bắc Giang | X. Song Mai | 0,035 | DYT | 506 | 34,31 | Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/01/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp dự án: Khắc phục khẩn cấp sự cố Kè chắn đất và tường rào |

| STT |  Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDD đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|--|-----------------------|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|---|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 8 | Xây dựng Bệnh viện y học cổ truyền LanQ | P. Đa Mai | 2,015 | DYT | 485 | 2,02 | Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư và Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 về điều chỉnh chủ trương đầu tư; QĐ 719/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh về chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư |
| 9 | Xây dựng khuôn viên cây xanh X. Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang | X. Tân Mỹ | 9,600 | DKV | 660 | 22,48 | Nghị quyết số 08/HĐND ngày 26/4/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư một số dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |
| 10 | Đầu tư xây dựng Trụ sở Cục và Đội Quản lý thị trường của Cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang | X. Tân Tiến | 1,190 | TSC | 603 | 4,11 | Quyết định số 2476/QĐ-BCT ngày 21/9/2023 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt chủ trương ĐTXD dự án Đầu tư Trụ sở cấp Cục và cấp Đội; Thông báo số 1785-TB/TU ngày 12/7/2023 của Thường trực Tỉnh ủy về việc bố trí đất xây dựng trụ sở mới của Cục Quản lý |

| STT | Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDD đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|---|---|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|---|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| | | | | | | | thị trường tỉnh Bắc Giang; |
| 11 | Khu đô thị mới sân golf núi Nham Biện tại xã Đông Sơn, thành phố Bắc Giang và xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (phần diện tích trên địa bàn thành phố) | Xã Đông Sơn, thành phố Bắc Giang và xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang | 62,060 | DTT | 556 | 134,01 | Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 02/08/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án; Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 28/06/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án |
| 12 | Xây dựng và cải tạo các xuất tuyến 22KV sau TBA 110KV Đa Mai, tỉnh Bắc Giang | X. Song Mai, P. Đa Mai, TP Bắc Giang | 0,020 | DNL | 423 | 6,96 | Quyết định số 177/QĐ-EVNNPC ngày 05/02/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình DTXD bổ sung năm 2024 cho Điện lực Bắc Giang; Công văn số 4752/UBND-KTTH ngày 26/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh VV bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| 13 | Xây dựng và cải tạo lưới điện các X. Tân Tiến, Đông Sơn, Tân Mỹ, P. Trần Phú, Trần Nguyên Hân thành phố Bắc Giang và các X. Yên Lư, Tư | Các xã, phường: Tân Tiến, Đông Sơn, Tân Mỹ, Trần Phú, Trần | 0,050 | DNL | 423 | 6,96 | Quyết định 1230/QĐ-EVNNPC ngày 04/7/2024 của Tổng công ty Điện lực về phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình DTXD bổ sung năm 2025 cho Điện lực Bắc Giang; Công văn số |

| STT |  Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDDĐ đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----------|---|---|---------------------------------|---|--------------------------|----------------|---|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| | Mại, Đức Giang huyện Yên Dũng năm 2025 | Nguyên Hân | | | | | 4752/UBND-KTTH ngày 26/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý. |
| II | HUYỆN HIỆP HÒA | | 45,15 | | | | |
| 14 | Xây dựng đường trục Đông - Tây (đoạn nối QL37 với ĐT 295), huyện Hiệp Hòa | Các xã, thị trấn: Lương Phong, Đoàn Bái, Danh Thắng, Bắc Lý | 16,000 | DGT | 17 | 16,00 | Nghị Quyết số 280/NQ-HĐND ngày 17/10/2024 của HĐND huyện Hiệp Hòa về việc Quyết định chủ trương đầu tư 01 dự án (nhóm B); điều chỉnh chủ trương đầu tư 02 dự án (nhóm B) trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 huyện Hiệp Hòa |
| 15 | Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Đoàn Bái-Lương Phong 2 | Các xã: Đoàn Bái, Lương Phong | 21,500 | SKN | 7 | 75,00 | Quyết định của UBND tỉnh: số 48/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 Vv thành lập Cụm công nghiệp Đoàn Bái-Lương Phong 2, huyện Hiệp Hòa; Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án Cụm công nghiệp Đoàn Bái - Lương Phong 2, huyện Hiệp Hòa |

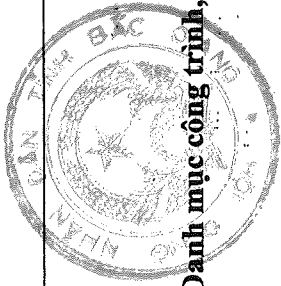
| STT | Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDDP đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|--|--|---------------------------------|---|--------------------------|----------------|---|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 16 | Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang | Thị trấn Thắng | 0,500 | TSC | 4 | 4,00 | Quyết định số 126/QĐ-VKSTC ngày 08/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang |
| 17 | Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao huyện (thuộc dự án KĐT mới đường vành đai thị trấn Thắng, Danh Thắng) | Các xã, thị trấn: Danh Thắng, Lương Phong, Thắng | 6,80 | DTT | 6 | 38,00 | Nghị quyết số 317/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của HĐND huyện Hiệp Hòa Quyết định chủ trương đầu tư 02 dự án (nhóm B) và điều chỉnh chủ trương đầu tư 01 dự án (nhóm B) trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 huyện Hiệp Hòa |
| 18 | Cải tạo, nâng cấp đường dây 474 TBA 110kV Đức Thắng đoạn từ cột 56 đến cột 114 để cấp điện cho CCN Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa | Các xã: Hoàng An, Thanh Vân, thị trấn Thắng | 0,090 | DNL | 5 | 4,15 | Quyết định 1305/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc; Công văn số 4870/UBND-KTTH ngày 24/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv đầu tư xây dựng các công trình điện trên địa tỉnh được TCT Điện lực Miền Bắc giao Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |

| STT | Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDD đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|---|--|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|---|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 19 | Xây dựng và cải tạo lưới điện trung hạ áp huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang | Các xã: Hương Lâm, Thường Thắng, thị trấn Bắc Lý, thị trấn Thắng | 0,050 | DNL | 5 | 4,15 | Quyết định số 2297/QĐ-EVNNPC ngày 05/10/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình DTXD cho Điện lực Bắc Giang; Công văn số 7156/UBND-KTTH ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| 20 | Xây dựng và cải tạo lưới điện các xã Lương Phong, Hoàng Lương, Mai Trung, Thanh Vân, Hùng Sơn, TT Thắng huyện Hiệp Hòa năm 2025 | Các xã: Lương Phong, Hoàng Lương, Mai Trung, Thanh Vân, Hùng Sơn, thị trấn Thắng | 0,080 | DNL | 6 | 0,50 | Quyết định 1230/QĐ-EVNNPC ngày 04/7/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc; Công văn số 4752/UBND-KTTH ngày 26/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| 21 | Nâng cao chất lượng của lưới điện trung hạ áp năm 2024-2025 cho các TBA CC khu vực huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang | Các xã: Thường Thắng, Xuân Cẩm, Đông Lỗ, Hương Lâm, Thanh | 0,040 | DNL | 6 | 0,50 | Quyết định 1635/QĐ-EVNNPC ngày 12/8/2024 của Tổng công ty Điện lực về phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình DTXD bổ sung năm 2025 cho Điện lực Bắc Giang; Công văn số 4752/UBND-KTTH ngày 26/8/2024 |

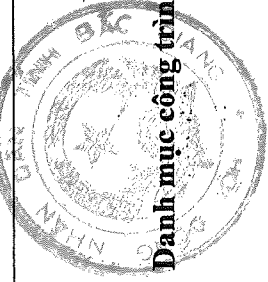


| STT | Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDD đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|---|---|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|---|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| | | Vân, Danh Thăng | | | | | của Chủ tịch UBND tỉnh V/v bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| 22 | Cải tạo đường dây 22kV mạch vòng I số 471E7.11-474E7.11-472E7.11-473E7.11 TBA 110KV Đức Thắng và mạch vòng 473E7.11-477E7.11-475E7.21 TBA 110KV Hợp Thịnh | Các xã: Hoàng An, Hoàng Vân, Hoàng Lương, Thường Thắng, TT Bắc Lý và thị trấn Thăng, huyện Hiệp Hòa | 0,090 | DNL | 4 | 2,96 | Quyết định 2345/QĐ-EVNNPC ngày 28/10/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc; Công văn số 6855/UBND-KTTH ngày 27/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh V/v bổ sung danh mục các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| III | HUYỆN LỤC NAM | | 5,14 | | | | |
| 23 | Cải tạo, nâng cấp tuyến đường vào thôn Bình An, xã Chu Điện | Xã Chu Điện | 0,400 | DGT | A-IX-42 | 0,40 | Nghị quyết số 72/NQ-HNDN ngày 19/4/2024 của HĐND xã Chu Điện v/v quyết định chủ trương đầu tư và NQ số 87/NQ-HĐND ngày 22/7/2024 của HĐND xã Chu Điện v/v quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước khởi công mới kế hoạch năm 2024 và điều chỉnh các dự án |


| STT | Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDD đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|--|---------------------------------------|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|--|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 24 | Mở rộng trường Mầm Non Khảm Lạng | Xã Khảm Lạng | 0,500 | DGD | A- XIII-46 | 0,50 | Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của UBND xã Khảm Lạng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án |
| 25 | Khai thác đất khu vực Dốc Cửa Khuôn (thôn Quỳnh Cả) | Xã Nghĩa Phương | 4,000 | SKX | A-VIII-32 | 4,00 | Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 6/5/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang về cấp giấy phép khai thác khoáng sản; Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 03/2/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư |
| 26 | Tự động hoá mạch vòng lưới điện trung áp huyện Lục Nam, Lạng Giang, Tân Yên tỉnh Bắc Giang | Các xã: Đông Hưng, Thanh Lâm, Bảo Đài | 0,100 | DNL | A-XV-1 | 1,50 | Quyết định 2162/QĐ-EVNNPC ngày 22/9/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc phê duyệt danh mục và tạm giao KHV năm 2024; Công văn số 7156/UBND-KTTH ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |




| STT | Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDDP đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|---|---|---------------------------------|---|--------------------------|----------------|--|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 27 | Xây dựng và cải tạo lưới điện các xã Bình Sơn, Nghĩa Phương, Cương Sơn, Cẩm Lý, Bắc Lũng, Tiên Nha, Khảm Lạng, Bảo Sơn huyện Lục Nam | Các xã: Bình Sơn, Nghĩa Phương, Cương Sơn, Cẩm Lý, Bắc Lũng, Tiên Nha, Khảm Lạng, Bảo Sơn | 0,110 | DNL | A-XV-1,8,12,15,18,27,43 | 2,00 | Quyết định số 1230/QĐ-EVNNPC ngày 04/7/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về phê duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình xây dựng năm 2025; Công văn số 4752/UBND-KTTH ngày 26/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| 28 | Nâng cao chất lượng của lưới điện trung hạ áp năm 2024-2025 cho các TBA CC khu vực xã Bảo Sơn, Bảo Đài, Thanh Lâm, Đông Phú, Tam Di huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang | Các xã: Bảo Sơn, Bảo Đài, Thanh Lâm, Đông Phú và Tam Di | 0,030 | DNL | A-XV-1 | 1,50 | Quyết định 1635/QĐ-EVNNPC ngày 12/8/2024 của Tổng công ty Điện lực về phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình DTXD bổ sung năm 2025 cho Điện lực Bắc Giang; Công văn số 4752/UBND-KTTH ngày 26/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| IV | HUYỆN YÊN DŨNG | | 85,92 | | | | |
| 29 | Trạm biến áp 220kV và đầu nối | Xã Tư Mại | 5,800 | DNL | | 5,80 | Quyết định số 1025 ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh về việc Chấp thuận CTBT đồng thời chấp thuận nhà đầu tư |

| STT |  Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDD đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|--|---|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|---|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 30 | Xây dựng đường vào Đền Cổ Phao, xã Đồng Việt | Xã Đồng Việt | 0,200 | DGT | 8.67 | 33,90 | Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND xã Đồng Việt về phê duyệt CTĐT |
| 31 | Trạm bơm Lãng Sơn, tỉnh Bắc Giang | Các xã: Lãng Sơn, Quỳnh Sơn, Xuân Phú, thị trấn Tân An, Lão Hộ | 7,710 | DTL | 9.30 | 51,20 | Quyết định số 2218/QĐ-BNN-XD ngày 06/6/2023 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án trạm bơm Lãng Sơn, tỉnh Bắc Giang |
| 32 | Khu đô thị mới sân golf núi Nham Biền tại xã Đồng Sơn, TP Bắc Giang và xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng | Xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang và xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang | 71,950 | ONT | 33.34 | 134,01 | Quyết định 1271/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án Khu đô thị mới sân golf núi Nham Biền tại xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang và xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng |
| 33 | Xây dựng và cải tạo lưới điện các xã Tư Mại, Lão Hộ, Đồng Phúc, Yên Lư, Quỳnh Sơn, Hương Gián, thị trấn Tân An, thị trấn Nham Biền huyện Yên Dũng năm 2025 | Các xã Tư Mại, Lão Hộ, Đồng Phúc, Yên Lư, Quỳnh Sơn, Hương Gián, thị trấn Tân An và thị trấn Nham Biền, | 0,080 | DNL | 10.22 | 2,24 | Quyết định 1230/QĐ-EVNNPC ngày 04/7/2024 của Tổng công ty Điện lực về phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình DTXD bổ sung năm 2025 cho Điện lực Bắc Giang; Công văn số 7156/UBND-KTTH ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện |

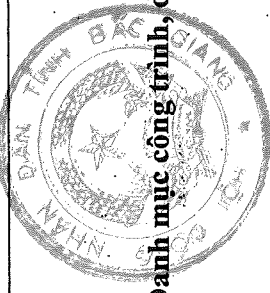
| STT | Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDD đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|---|--|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|--|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| | | huyện Yên Dũng | | | | | lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| 34 | Chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện khu vực nhà trọ công nhân các khu công nghiệp huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang | Xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng | 0,080 | DNL | 10.22 | 2,24 | Quyết định 1061/QĐ-EVNNPC ngày 06/6/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc; Công văn số 4752/UBND-KTTH ngày 26/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh V/v bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| 35 | Xây dựng và cải tạo lưới điện các xã Tân Tiến, Đông Sơn, Tân Mỹ, phường Trần Phú, Trần Nguyễn Hãn thành phố Bắc Giang và các xã Yên Lư, Tư Mại, Đức Giang huyện Yên Dũng năm 2025 | Các xã: Tân Tiến, Đông Sơn, Tân Mỹ, phường Trần Phú và phường Trần Nguyễn Hãn, thành phố Bắc Giang | 0,05 | DNL | 10.22 | 2,24 | Quyết định 1230/QĐ-EVNNPC ngày 04/7/2024 của Tổng công ty Điện lực về phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình DTXD bổ sung năm 2025 cho Điện lực Bắc Giang; Công văn số 7156/UBND-KTTH ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh V/v bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |

| STT |  Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDD đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|--|--|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|--|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 36 | Nâng cao chất lượng của lưới điện trung hạ áp năm 2024-2025 cho các TBA CC khu vực huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang | Các xã: Nội Hoàng, Yên Lư, Quỳnh Sơn, Tư Mại và thị trấn Tân An huyện Yên Dũng | 0,050 | DNL | 10.22 | 2,24 | Quyết định 1635/QĐ-EVNNPC ngày 12/8/2024 của Tổng công ty Điện lực về phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình DTXD bổ sung năm 2025 cho Điện lực Bắc Giang; Công văn số 4752/UBND-KTTH ngày 26/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| V | HUYỆN SƠN ĐỘNG Xây dựng khu dân cư phía Tây Bắc thị trấn An Châu (Dự án xây dựng đường và khu tái định cư thực hiện dự án xây dựng Trụ sở Công an huyện), huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang | TT An Châu | 2,10 | | | | |
| 37 | | TT An Châu | 1,500 | ODT | 22.14 | 51,10 | QĐ số 491/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của UBND huyện Sơn Động về chủ trương đầu tư dự án |
| 38 | Cải tạo, nâng cấp đường bê tông TDP Phe đi TDP Lừa | TT An Châu | 0,600 | DGT | 8.49 | 0,60 | QĐ số 555a/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của UBND thị trấn An Châu về phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Cải tạo, nâng cấp đường bê tông TDP Phe đi TDP Lừa |
| VI | HUYỆN YÊN THÉ | | 0,30 | | | | |

| STT | Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDD đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|---|--|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|---|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 39 | Mở rộng, cải tạo, nâng cấp đường giao thông thuộc TDP Cả Dinh | TT Phần Xương | 0,100 | DGT | 12.5 | 62,94 | QĐ số 315/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND TT Phần Xương về việc phê duyệt CTĐT |
| 40 | Xây dựng và cải tạo lưới điện các xã Tân Sỏi, Đồng Huru, Đồng Tiến, Đồng Vương, Tam Tiến, Xuân Lương và thị trấn Bồ Hạ huyện Yên Thế năm 2025 | Tân Sỏi, Đồng Huru, Đồng Tiến, Đồng Vương, Tam Tiến, Xuân Lương và thị trấn Bồ Hạ | 0,090 | DNL | 14.29 | 70,38 | Quyết định 1230/QĐ-EVNNPC ngày 04/7/2024 của Tổng công ty Điện lực về phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình DTXD bổ sung năm 2025 cho Điện lực Bắc Giang; Công văn số 7156/UBND-KTTH ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| 41 | Cải tạo đường dây 35kV mạch vòng lộ 373 TBA 110kV Cầu Gò, lộ 372 TBA 110kV Cầu Gò và lộ 372 TBA 110kV Lạng Giang | Các xã: Đồng Huru, Đồng Tiến, Đồng Vương, Đồng Kỳ, Đồng Tâm, Đồng Lạc, Tân Hiệp và thị trấn Bồ Hạ, huyện Yên Thế | 0,070 | DNL | 14.29 | 70,38 | Quyết định 2345/QĐ-EVNNPC ngày 28/10/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc; Công văn số 6855/UBND-KTTH ngày 27/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |

| STT |  Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDD đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|--|---------------------------|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|--|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 42 | Cải tạo mạch vòng đường dây 479 TBA 110kV Tân Yên (E7.24) với đường dây 477 TBA 110kV Tân Yên (E7.24) và đường dây 473 TBA 110kV Cầu Gò (E7.9) | Xã Tân Sỏi, huyện Yên Thế | 0,040 | DNL | 14.29 | 70,38 | Quyết định 2345/QĐ-EVNNPC ngày 28/10/2024 của TCT Điện lực miền Bắc; Công văn số 6855/UBND KTTH ngày 27/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| VII | HUYỆN TÂN YÊN | | 3,57 | | | | |
| 43 | Đường BTXM thôn Đông Khoát đi thôn Um Ngò | Việt Lập | 0,800 | DGT | 616 | 2,00 | QĐ số 227/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2022 của UBND xã Việt Lập về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đường BTXM thôn Đông Khoát đi thôn Um Ngò |
| 44 | Chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên | TT Cao Thượng | 0,020 | DGT | 665 | 232,47 | Quyết định số 902/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của UBND huyện Tân Yên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án |
| 45 | Đất làm VLXD khu vực Núi Giữa thôn Um Ngò, xã Việt Lập | Xã Việt Lập | 2,400 | SKX | 848 | 2,40 | QĐ số 941/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh v/v chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư |

| STT | Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDD đến năm 2030 cấp huyện (Biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|---|--|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|---|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 46 | Xây dựng và cải tạo lưới điện các xã An Dương, Việt Lập, Tân Trung, Ngọc Vân, Phúc Hòa, Liên Chung, Lam Cốt, Hợp Đức huyện Tân Yên năm 2025 | Các xã An Dương, Việt Lập, Tân Trung, Ngọc Vân, Phúc Hòa, Liên Chung, Lam Cốt, Hợp Đức huyện Tân Yên | 0,100 | DNL | 683 | 1,18 | Quyết định 1230/QĐ-EVNNPC ngày 04/7/2024 của Tổng công ty Điện lực về phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình DTXD bổ sung năm 2025 cho Điện lực Bắc Giang; Công văn số 7156/UBND-KTTH ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| 47 | Nâng cao chất lượng của lưới điện trung hạ áp năm 2024-2025 cho các TBA CC khu vực huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang | Các xã: Ngọc Vân, Song Vân, Đại Hóa và Ngọc Thiệp huyện Tân Yên | 0,030 | DNL | 683 | 1,18 | Quyết định 1635/QĐ-EVNNPC ngày 12/8/2024 của Tổng công ty Điện lực về phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình DTXD bổ sung năm 2025 cho Điện lực Bắc Giang; Công văn số 4752/UBND-KTTH ngày 26/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |

| STT |  Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDD đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|---|---|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|---|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 48 | Đường dây 35kV cấp điện cho KCN Phúc Sơn, tỉnh Bắc Giang | Các xã: Đại Hóa, Phúc Sơn, Quang Tiến, Liên Sơn và An Dương huyện Tân Yên | 0,090 | DNL | 683 | 1,18 | Quyết định 2433/QĐ-EVNNPC ngày 31/10/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc duyệt danh mục và tham gia KHV công trình ĐTXD năm 2025 cho Cty Điện lực Bắc Giang; Công văn số 4752/UBND-KTTH ngày 26/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| 49 | Cải tạo mạch vòng đường dây 487 TBA 110kV Đồi Cốc (E7.1) với đường dây 476 TBA 110kV Tân Yên (E7.24) và đường dây 474 TBA 110kV Nam Thành Phố (E7.22) | Các xã: Quế Nham và Việt Lập, huyện Tân Yên | 0,030 | DNL | 683 | 1,18 | Quyết định 2345/QĐ-EVNNPC ngày 28/10/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc; Công văn số 6855/UBND-KTTH ngày 27/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| 50 | Cải tạo mạch vòng đường dây 479 TBA 110kV Tân Yên (E7.24) với đường dây 477 TBA 110kV Tân Yên (E7.24) và đường dây 473 TBA 110kV Cầu Gò (E7.9) | Các xã: Tân Trung, Phúc Hòa, Thị trấn Nhã Nam và thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên | 0,100 | DNL | 683 | 1,18 | Quyết định 2345/QĐ-EVNNPC ngày 28/10/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc; Công văn số 6855/UBND-KTTH ngày 27/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |

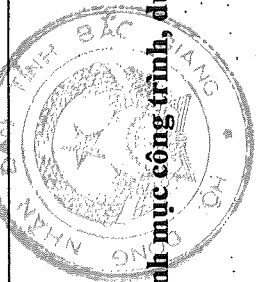
| STT | Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDD đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|------|---|-----------------------|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|--|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| VIII | HUYỆN LẠNG GIANG | | 27,90 | | | | |
| 51 | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính, các đơn vị dịch vụ công của huyện. | Thị trấn Vôi | 2,500 | TSC | 22.1 | 8,00 | Phụ lục 6 Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND huyện Lạng Giang v/v phê duyệt CTĐT |
| 52 | Mở rộng đường trục thôn Then (Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn Then) | Xã Thái Đào | 0,350 | DGT | 8113 | 15,90 | Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 06/1/2023 của Chủ tịch UBND xã Thái Đào về việc Phê duyệt CTĐT xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn Then, xã Thái Đào |
| 53 | Đất xây dựng cơ sở thể thao các thôn (GPMB, xây dựng khu thể thao thôn Khoát xã Nghĩa Hưng) | Xã Nghĩa Hưng | 0,150 | DTT | 8113 | 15,90 | Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 của Chủ tịch UBND xã Nghĩa Hưng về việc Phê duyệt CTĐT dựng công trình: GPMB, xây dựng khu thể thao thôn Khoát xã Nghĩa Hưng |
| 54 | Mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Yên Lại, An Long | Xã Yên Mỹ | 0,500 | NTD | 25.6 | 2,04 | Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND xã Yên Mỹ về việc Phê duyệt Chủ trương đầu tư xây dựng dự án Mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Yên Lại, An Long xã Yên Mỹ |
| 55 | Khuôn viên cây xanh thôn Hạ | Xã Mỹ Thái | 1,000 | DKV | 26.24 | 97,97 | Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 06/2/2024 của UBND xã Mỹ Thái về phê duyệt chủ trương đầu tư |

| STT | Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDD đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|--|-----------------------|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|---|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 56 | Cải tạo, mở rộng đường trục thôn Giữa xã Mỹ Hà | Xã Mỹ Hà | 0,200 | DGT | 8113 | 15,90 | Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 06/11/2021 của Chủ tịch UBND xã Mỹ Hà về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Cải tạo, mở rộng đường trục thôn Giữa xã Mỹ Hà |
| 57 | Cải tạo, nâng cấp, mở rộng mặt đường trục xã từ thôn Kép đi ngã tư đồng bằng, xã An Hà | Xã An Hà | 1,000 | DGT | 8113 | 15,90 | Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của UBND xã An Hà về chủ trương đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng mặt đường trục xã từ thôn Kép đi ngã tư đồng bằng, xã An Hà |
| 58 | Xây dựng nhà văn hóa thôn Trám, xã Mỹ Hà | Xã Mỹ Hà | 0,200 | DVH | 12.11 | 4,00 | Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của Chủ tịch UBND xã Mỹ Hà về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà văn hóa thôn Trám, xã Mỹ Hà |
| 59 | Xây dựng nhà văn hóa thôn Giữa, xã Mỹ Hà | Xã Mỹ Hà | 0,310 | DVH | 12.11 | 4,00 | Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của Chủ tịch UBND xã Mỹ Hà về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà văn hóa thôn Giữa |
| 60 | XD Nhà văn hoá thôn Ngành Bến | Xã Yên Mỹ | 0,300 | DVH | 12.16 | 3,00 | Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND xã Yên Mỹ về phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng: Xây dựng NVH thôn Ngành Bến |




STT Danh mục công trình, dự án

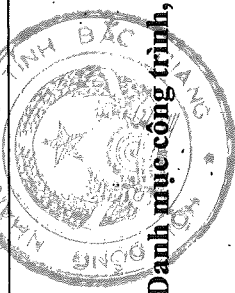
| STT | Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDDP đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|---|-----------------------|---------------------------------|---|--------------------------|----------------|--|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 61 | Mở rộng trường THCS thị trấn Kép | TT Kép | 0,100 | DGD | 14.4 | 0,50 | Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND thị trấn Kép về chủ trương đầu tư dự án: San nền, GPMB mở rộng khuôn viên Trường THCS thị trấn Kép |
| 62 | Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tiên Lục (Đoạn Quán Lâm đến Nhà văn hoá thôn Bãi Cả Đông Kim) | Xã Tiên Lục | 0,650 | DGT | 8113 | 15,90 | Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Chủ tịch UBND xã Tiên Lục về việc Phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án công trình: Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tiên Lục (Đoạn Quán Lâm đến Nhà văn hoá thôn Bãi Cả Đông Kim) |
| 63 | Bãi tập kết và xử lý rác thải thôn Chí Mưu - Cấn Cốc, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang | Xã Hương Sơn | 3,500 | DRA | 25.3 | 5,00 | Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của Chủ tịch UBND xã Hương Sơn về việc Phê duyệt Chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng điểm thu gom, xử lý rác thải xã Hương Sơn tại thôn Chí Mùì, xã Hương Sơn |
| 64 | Giải phóng mặt bằng trụ sở làm việc Đảng ủy - HDND - UBND xã Xuân Hương | Xã Xuân Hương | 1,100 | DTS | 22.10 | 1,10 | QĐ số 64/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của Chủ tịch UBND xã Xuân Hương về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án công trình: Trụ sở Đảng ủy, HDND, UBND xã Xuân Hương |

| STT |  Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SĐĐ đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|---|-----------------------|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|---|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 65 | Xây dựng Nhà văn hoá thôn Công Phên, Hồng Giang, xã Dương Đức | Xã Dương Đức | 0,300 | DVH | 12.12 | 1,50 | Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của Chủ tịch UBND xã Dương Đức về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng nhà văn hoá thôn Công Phên, Hồng Giang |
| 66 | Nghĩa trang nhân dân TT Kép | TT Kép | 3,000 | NTD | 25.2 | 3,00 | Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của Chủ tịch UBND thị trấn Kép về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Nghĩa Trang nhân dân thị trấn Kép |
| 67 | Mở rộng đường giao thông nông thôn thôn Trung Phụ Ngoại | Xã Tân Hưng | 0,190 | DGT | 8.82 | 5,00 | QĐ số 20/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của UBND xã Tân Hưng về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Đường giao thông từ trường Tiểu học đến đầu cầu Trung phụ Ngoại, xã Tân Hưng |
| 68 | Mở rộng Nghĩa trang liệt sỹ xã Tiên Lục | Xã Tiên Lục | 0,500 | NTD | 25.6 | 2,04 | QĐ số 260/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND xã Tiên Lục về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng nghĩa trang liệt sỹ xã Tiên Lục |


| STT | Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDDP đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|--|-----------------------|---------------------------------|---|--------------------------|----------------|--|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 69 | Sân sinh hoạt, bãi xe và khu cây xanh phục vụ nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của giáo dân; làm vỉa hè, lối ra của Giáo xứ Tiên Lục | Xã Tiên Lục | 0,510 | TON | 24.1 | 1,40 | Công văn số 7088/UBND-KTN ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc đồng ý chủ trương giao đất tại khu vực Đông Giếng, thôn Tây, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang |
| 70 | Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại Khu vực Cây Vả, thôn Hố Vầu, xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang | Xã Tân Hưng | 4,800 | SKX | 7.21 | 4,80 | Quyết định 292/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang; số 903/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 696/QĐ-UBND ngày 21/7/2024. |
| 71 | Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại Khu vực Đông Mực, thôn Dầu, xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang | Xã Đại Lâm | 6,500 | SKX | 7.1 | 6,50 | Quyết định 292/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang; số 908/QĐ-UBND ngày 8/10/2020 về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; số 658/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư |

| STT |  Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SĐĐ đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|--|--|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|---|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 72 | Nâng cấp độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện huyện Lạng Giang và thành phố Bắc Giang theo phương án đa chia - đa nối (MDMC) | Các xã Tân Đình, Thái Đào | 0,050 | DNL | 10.13 | 2,69 | Quyết định số 2327/QĐ-EVNNPC ngày 09/10/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc; Công văn số 7156/UBND-KTTH ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| 73 | Xây dựng và cải tạo lưới điện các xã Hương Lạc, Quang Thịnh, Tân Thanh, Yên Mỹ, An Hà và thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang năm 2025 | Các xã: Hương Lạc, Quang Thịnh, Tân Thanh, Yên Mỹ, An Hà và thị trấn Vôi | 0,080 | DNL | 10.13 | 2,69 | Quyết định 1230/QĐ-EVNNPC ngày 04/7/2024 của Tổng công ty Điện lực về phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình DTXD bổ sung năm 2025 cho Điện lực Bắc Giang; Công văn số 7156/UBND-KTTH ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| 74 | Nâng cấp chất lượng các lưới điện trung hạ áp năm 2024-2025 cho các TBA CC khu vực | Huyện Lạng Giang | 0,110 | DNL | 10.13 | 2,69 | Quyết định 1635/QĐ-EVNNPC ngày 12/8/2024 của Tổng công ty Điện lực về phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình DTXD bổ sung năm 2025 cho Điện lực Bắc Giang; Công văn số 4752/UBND-KTTH ngày 26/8/2024 |


| STT | Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (Đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDD đến năm 2030 cấp huyện (Biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|---|-----------------------------|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|---|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| IX | THỊ XÃ VIỆT YÊN | | 24,42 | | | | <p>của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý</p> |
| 75 | Xây dựng công trình Nhà văn hóa thôn Yên Sơn xã Nghĩa Trung | Xã Nghĩa Trung | 0,100 | DVH | 270 | 0,10 | <p>QĐ số 126/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình xây dựng nhà văn hóa thôn Yên Sơn, xã Nghĩa Trung</p> |
| 76 | Xây dựng nhà văn hóa thôn Đông Mối xã Hương Mai | Xã Hương Mai | 0,330 | DVH | 277 | 4,31 | <p>QĐ chủ trương đầu tư số 115/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND xã</p> |
| 77 | ĐT XD cải tạo, mở rộng tuyến đường đèo nói QL37 với khu trung tâm hành chính phường Tự Lạn, thị xã Việt Yên | Phường Tự Lạn | 2,000 | DGT | 219 | 279,22 | <p>Quyết định số 1986/QĐ-UBND ngày 20/10/2024 của UBND thị xã về chủ trương đầu tư dự án</p> |
| 78 | Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã Minh Đức, Nghĩa Trung | Xã Nghĩa Trung, xã Minh Đức | 1,000 | DGT | 219 | 279,22 | <p>QĐ số 6523/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND thị xã về việc phê duyệt dự án</p> |
| 79 | Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn Cầu | Xã Minh Đức | 0,200 | DVH | 277 | 4,31 | <p>NQ số 58/NQ-HĐND ngày 26/12/2023 của HĐND xã Minh Đức về phê duyệt chủ trương đầu tư</p> |
| 80 | Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn Trại Đồi | Xã Minh Đức | 0,200 | DVH | 251 | 1,00 | <p>NQ số 58/NQ-HĐND ngày 26/12/2023 của HĐND xã Minh Đức về phê duyệt chủ trương đầu tư</p> |

| STT |  Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDDP đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|--|-----------------------|---------------------------------|---|--------------------------|----------------|--|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 81 | Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn Cầu Treo | Xã Minh Đức | 0,100 | DVH | 252 | 0,10 | NQ số 58/NQ-HĐND ngày 26/12/2023 của HĐND xã Minh Đức về phê duyệt chủ trương đầu tư |
| 82 | Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn Hậu | Xã Minh Đức | 0,100 | DVH | 237 | 0,10 | NQ số 58/NQ-HĐND ngày 26/12/2023 của HĐND xã Minh Đức về phê duyệt chủ trương đầu tư |
| 83 | Xây dựng công viên khu trung tâm thị trấn Nénh | Phường Nénh | 9,800 | DTT;DVH;DKV | 529 | 9,80 | Nghị Quyết số 21/NQ-HĐND ngày 19/9/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư |
| 84 | Cải tạo ao Đông, TDP Phúc Long, phường Tăng Tiến, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang | P. Tăng Tiến | 0,150 | DGT | 217 | 5,00 | NQ số 71/NQ-HĐND ngày 22/10/2024 của HĐND phường về bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024; Quyết định số 160/QĐ-UBND, ngày 30/10/2024 của UBND phường về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình |
| 85 | Hạ tầng phòng cháy, chữa cháy, các địa bàn trọng yếu | Thị xã Việt Yên | 4,000 | DHT | 219 | 279,22 | QĐ số 1848/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của UBND thị xã về phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án; Phù hợp quy hoạch phân khu |
| 86 | Mở rộng trường THCS Thân Nhân Trung | P. Bích Động | 0,080 | DGD | 300 | 0,20 | Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của UBND phường Bích Động quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư |

| STT | Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDBB đến năm 2030 cấp huyện (Điều 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|---|---------------------------------|---------------------------------|---|----------------------------|----------------|---|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thửa đất trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 87 | Cải tạo, nâng cấp một số hệ thống cống thoát nước, nút giao thông trên địa bàn thị xã | Thị xã Việt Yên | 4,000 | DGT | 217 | 5,00 | Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 20/10/2024 của UBND thị xã về chủ trương đầu tư dự án |
| 88 | Chợ Đạo Ngạn, xã Quang Châu, huyện Việt Yên | Phường Quang Châu | 1,050 | DCH | 524 | 1,05 | QĐ số 957/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh về quyết định chấp thuận nhà đầu tư |
| 89 | Cải tạo hệ thống mương tiêu thôn Khả Lý hạ | Phường Quảng Minh | 1,000 | DTL | 227 | 8,00 | QĐ 1238/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt CTĐT |
| 90 | Xây dựng và cải tạo các xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Đa Mai, tỉnh Bắc Giang | Xã Nghĩa Trung, thị xã Việt Yên | 0,020 | DNL | 424 | 10,69 | Quyết định số 177/QĐ-EVNNPC ngày 05/02/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình DTXD bổ sung năm 2024 cho Điện lực Bắc Giang; Công văn số 4752/UBND-KTTH ngày 26/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Công ty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |

| STT |  Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDD đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|--|---|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|---|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 91 | Xây dựng và cải tạo lưới điện các khu vực Trung Sơn, Thượng Lát, Hương Mai, Tự Lạn, Minh Đức, Tăng Tiến, Ninh Sơn, Bích Động, Nénh, thị xã Việt Yên năm 2025 | Các xã, phường: Trung Sơn, Thượng Lát, Hương Mai, Tự Lạn, Minh Đức, Ninh Sơn, Tăng Tiến, Bích Động, Nénh, thị xã Việt Yên | 0,070 | DNL | 424 | 10,69 | Quyết định 1230/QĐ-EVNNPC ngày 04/7/2024 của Tổng công ty Điện lực về phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình DTXD bổ sung năm 2025 cho Điện lực Bắc Giang; Công văn số 7156/UBND-KTTH ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| 92 | Chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện khu vực nhà trọ công nhân các khu công nghiệp thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang | Các xã, phường: Vân Hà, Hồng Thái, Vân Trung, Quang Châu, Nénh, thị xã Việt Yên | 0,110 | DNL | 424 | 10,69 | Quyết định 1061/QĐ-EVNNPC ngày 06/6/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc; Công văn số 4752/UBND-KTTH ngày 26/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| 93 | Cải tạo đường dây 35kV mạch vòng lộ 374E7.7 và lộ 371E7.11 | Các xã, phường: Hương Mai, Việt Tiến, Bích Động, Tự | 0,040 | DNL | 424 | 10,69 | Quyết định 2345/QĐ-EVNNPC ngày 28/10/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc; Công văn số 6855/UBND-KTTH ngày 27/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục các |

| STT | Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDD đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|--|---|---------------------------------|--|---------------------------|----------------|---|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thửa tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 94 | Xây dựng và cải tạo lưới điện các khu vực Trung Sơn, Thượng Lát, Hương Mai, Tự Lạn, Minh Đức, Tăng Tiến, Ninh Sơn, Bích Đông, Nénh, thị xã Việt Yên năm 2025 | Các xã, phường: Trung Sơn, Tiên Sơn, Hương Mai, Tự Lạn, Minh Đức, Ninh Sơn, Tăng Tiến Bích Đông, Nénh | 0,070 | DNL | 424 | 10,69 | Quyết định 1230/QĐ-EVNNPC ngày 04/7/2024 của Tổng công ty Điện lực về phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình DTXD bổ sung năm 2025 cho Điện lực Bắc Giang; Công văn số 7156/UBND-KTTH ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| X | HUYỆN LỤC NGẠN | | 10,34 | | | | |
| 95 | Cải tạo, nâng cấp Cầu Suối Bông, xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang | TT Chũ, Thanh Hải | 0,400 | DGT | 362 | 1,20 | Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 5/5/2023 của UBND huyện Lục Ngạn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án |
| 96 | Xây dựng Công viên trung tâm giai đoạn 1, huyện Lục Ngạn | Xã Quý Sơn | 7,500 | DKV | 230 | 63,67 | Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND huyện Lục Ngạn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Công viên trung tâm huyện (giai đoạn 1) |

| STT |  Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SĐĐ đến năm 2030 cấp huyện (biểu 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|--|--|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|--|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 97 | Hệ thống thoát nước trung tâm thị trấn Chũ (giai đoạn 1) | Xã Quý Sơn, Trù Hựu | 1,500 | DTL | 395 | 3,04 | Nghị Quyết số 34/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND huyện về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công, các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 |
| 98 | Bệnh viện đa khoa Bắc Thăng Long (giai đoạn 2) | Xã Trù Hựu | 0,600 | DYT | 191 | 1,20 | Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư |
| 99 | Xây dựng và cải tạo lưới điện các xã Kiên Thành, Tân Sơn, Sơn Hải, Hồng Giang, Tân Lập, Hộ Đáp, Phong Vân và TT Chũ huyện Lục Ngạn | Các xã: Kiên Thành, Tân Sơn, Sơn Hải, Hồng Giang, Tân Lập, Hộ Đáp, Phong Vân và TT Chũ | 0,130 | DNL | 245 | 1,37 | Quyết định số 1305/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc; Công văn số 4870/UBND-KTTH ngày 24/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv đầu tư xây dựng các công trình điện trên địa tỉnh được TCT Điện lực Miền Bắc giao Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| 100 | Cải tạo đường dây 35kV lộ 371 và 372 TBA 110kV Lục Ngạn (E7.8) giảm TĐN lưới điện trung áp | Các xã: Hồng Giang, Biên Sơn, Tân Hoa, Biên Động | 0,060 | DNL | 246 | 0,12 | Quyết định số 2297/QĐ-EVNNPC ngày 05/10/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình DTXD cho Điện lực Bắc Giang; Công văn số 7156/UBND-KTTH ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công |

| STT | Danh mục công trình, dự án | Địa điểm (đến cấp xã) | Diện tích đất phải thu hồi (ha) | Thông tin của dự án trong danh mục quy hoạch SDD đến năm 2030 cấp huyện (Điều 10/CH) | | | Các văn bản pháp lý hoặc các văn bản có liên quan đến dự án |
|-----|--|--|---------------------------------|--|--------------------------|----------------|---|
| | | | | Mã loại đất quy hoạch | Số thứ tự trong danh mục | Diện tích (ha) | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| | | | | | | | trình diện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| 101 | Xây dựng và cải tạo lưới điện các xã Quý Sơn, Giáp Sơn, Phương Sơn, Hồng Giang, Nam Dương, Kiên Thành năm 2025 | Các xã: Quý Sơn, Giáp Sơn, Phương Sơn, Hồng Giang, Nam Dương, Kiên Thành | 0,090 | DNL | 245 | 1,37 | Quyết định 1230/QĐ-EVNNPC ngày 04/7/2024 của Tổng công ty Điện lực về phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình DTXD bỏ sung năm 2025 cho Điện lực Bắc Giang; Công văn số 7156/UBND-KTTH ngày 18/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục đầu tư xây dựng các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |
| 102 | Tự động hóa mạch vòng lưới điện trung áp tỉnh Bắc Giang năm 2025 | Các xã: Tân Mộc, Nam Dương, Sơn Hải huyện Lục Ngạn | 0,060 | DNL | 271 | 0,26 | Quyết định 2290/QĐ-EVNNPC ngày 22/10/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc; Công văn số 6855/UBND-KTTH ngày 27/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Vv bổ sung danh mục các công trình điện năm 2024-2025 do Cty Điện lực Bắc Giang đầu tư, quản lý |